

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 8 - 2021
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nông Anh Dũng; ông Ngô Trọng Búp.

- Thư ký phiên tòa: ông Vũ Văn Hoàng, thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2021 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 105/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2021, giữa:

1. *Nguyên đơn:* ông Nguyễn Viết T sinh năm 1993. Địa chỉ: thôn 4, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Ông T có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* bà Lưu Thị N sinh năm 1996. Nơi cư trú cuối cùng: thôn 4, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Bà N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Viết T trình bày:

Ông T và bà Lưu Thị N tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân xã E, huyện M vào ngày 28/5/2014. Thời gian đầu sau khi kết hôn, ông T và bà N chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến ngày 30/4/2017, bà N tự ý bỏ đi khỏi địa phương, có thông tin bà N đã chuyển giới tính. Thời gian đầu, bà N vẫn liên lạc với ông T hỏi thăm về tình hình con cái. Nhưng từ tháng 8 năm 2018 đến nay, ông T không còn tin tức gì về việc bà N làm gì, ở đâu. Ông T và gia đình đã nhiều lần tìm kiếm nhưng không có tin tức gì của bà N.

Ngày 25/5/2021, Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk đã tuyên bố bà N mất tích theo Quyết định số 02/2021/QĐST-VDS. Nhận thấy, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt, ông T yêu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà N.

Về con chung: ông T và bà N có 01 con chung là Nguyễn Lê N1 sinh ngày 28/4/2014, hiện nay con đang được ông T nuôi dưỡng. Bà N đã mất tích, nên ông T yêu cầu được nuôi con.

Về vấn đề tài sản: ông T không yêu cầu giải quyết.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Viết T, xử cho ông T được ly hôn với bà Lưu Thị N; giao con Nguyễn Lê N1 sinh ngày 28/4/2014 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết:

1. Về tố tụng:

Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà N, bà N có nơi cư trú cuối cùng tại thôn 4, xã E, huyện M, tỉnh Đ. Quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Theo quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2021/QĐST-VDS ngày 25/5/2021, Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk đã tuyên bố bà Lưu Thị N mất tích. Quyết định đã có hiệu lực pháp luật, nên HĐXX giải quyết vắng mặt bà N.

[2]. Về nội dung:

Quan hệ về hôn nhân: ông T và bà N tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã EaRiêng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/5/2014. Hôn nhân giữa ông T và bà N là hợp pháp. Sau khi kết hôn, bà N và ông T chung sống đến ngày 30/4/2017, thì bà N tự ý bỏ đi khỏi địa phương và không có tin tức gì kể từ tháng 8 năm 2018 đến nay. Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk đã tuyên bố bà N mất tích. Nay, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nghĩa, căn cứ vào khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX cần giải quyết cho ông T được ly hôn với bà N.

Về con chung: ông T và bà N có con chung là Nguyễn Lê N1 sinh ngày 28/4/2014. Sau khi ly hôn, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, cần giao con cho ông T trực tiếp nuôi con đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) .

Về tài sản chung: ông T không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS, ông T là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm. Căn cứ theo điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Viết T.

Về quan hệ hôn nhân: xử cho ông Nguyễn Viết T được ly hôn với bà Lưu Thị N.

Về con chung: giao con Nguyễn Lê N1 sinh ngày 28/4/2014 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và N vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

2. Về án phí: ông Nguyễn Viết T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông T đã nộp tiền tạm ứng án phí, theo biên lai số 60AA/2021/0005154 ngày 03/8/2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M'Đrăk.

3. Thông báo quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện M'Đrăk;
- UBND xã EaRiêng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thế Dương